TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 259/2020/HS-PT
Ngày: 01-9-2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh

Các Thẩm phán: Ông Lê Khắc Thịnh.

Ông Đinh Chí Tâm.

- Thư ký phiên tòa:

Bà Phan Thị Kim Loan- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Kim Hóa - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 83/2018/TLPT-HS ngày 26 tháng 02 năm 2020 đối với các bị cáo Lê Văn V, Trần Văn Sang E do có Quyết định giám đốc thẩm số 51/2019/HS-GĐT ngày 28 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tuyên hủy Bản án hình sự phúc thẩm số 133/2018/HS-PT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Các bị cáo:

1. **Lê Văn V**, sinh năm 1974 tại tỉnh An Giang; nơi cư trú: Ấp Hòa L, xã Phú H, huyện Phú T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T, sinh năm 1936 (chết) và bà Võ Thị L, sinh năm 1949 (sống); có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ: Ngày 10-4-2012; tạm giam: Ngày 13-4-2012; thay đổi biện pháp ngăn chặn từ tạm giam bằng bảo lĩnh: Ngày 20-02-2013; Bắt và tạm giam: Ngày 21-02-2013; hủy bỏ biện pháp tạm giam: Ngày 16-8-2013. Hiện bị cáo đang tại ngoại *(có mặt tại phiên tòa).*

2. **Trần Văn Sang E**, sinh năm 1992 tại tỉnh An Giang; nơi cư trú: Ấp Phước T, xã Đa P, huyện An P, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn C, sinh năm 1955 (sống) và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1968 (sống); tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ: Ngày 03-8-2017; tạm giam: Ngày 12-8-2017; thay biện pháp ngăn chặn từ tạm giam bằng cho bảo lĩnh: Ngày 27-9-2017. Bị cáo Trần Văn Sang E đang bị truy nã theo Quyết định số 20 ngày 05- 6- 2020 của Công an tỉnh Đồng Tháp *(vắng mặt tại phiên tòa).*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1969 *(vắng mặt)*.

Nơi cư trú: Ấp Phước T, xã Đa P, huyện An P, tỉnh An Giang.

2. Quang Duy T1 (Bé B), sinh năm 1967 *(vắng mặt)*.

Nơi cư trú: Khóm X, phường An T1, thị xã Hồng N, tỉnh Đồng Tháp.

3. Lê Thị C, sinh năm 1972 *(vắng mặt)*.

Nơi cư trú: Khóm X, phường An T1, thị xã Hồng N, tỉnh Đồng Tháp.

4. Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1977 *(vắng mặt)*.

Nơi cư trú: Ấp Phước T, xã Đa P, huyện An P, tỉnh An Giang.

5. Trần Văn P, sinh năm 1973 *(vắng mặt)*.

Nơi cư trú: Ấp Hà Bao X, xã Đa P, huyện An P, tỉnh An Giang.

- *Người làm chứng:*

1. Lý Mỹ T, sinh năm 1974 *(vắng mặt)*.

Nơi cư trú: Ấp Phước T, xã Đa P, huyện An P1, tỉnh An Giang.

2. Nguyễn Thị N, sinh năm 1968 *(vắng mặt)*.

Nơi cư trú: Ấp Phước T, xã Đa P, huyện An P1, tỉnh An Giang.

3.Lê Văn T, sinh năm 1974 *(vắng mặt)*.

4. Lê Thanh Đ, sinh năm 1986 *(vắng mặt)*.

5. Phạm Quang T2, sinh năm 1982 *(vắng mặt)*.

6. Trần Văn M, sinh năm 1982 *(vắng mặt)*.

Cùng địa chỉ: Đồn biên phòng cửa khẩu Quốc tế Thường P.

7. Lê Thắng L, sinh năm 1976 *(vắng mặt)*.

Địa chỉ: Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Đồng Tháp.

8. Đồng Văn S1, sinh năm 1974 *(vắng mặt)*.

9. Thân Văn C1, sinh năm 1985 *(vắng mặt)*.

10. Tống Trường G *(vắng mặt)*.

Cùng địa chỉ: Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Đồng Tháp.

11. Trương Phi T3, sinh năm 1977 *(vắng mặt)*.

Cư trú: Ấp X, xã Thường P 1, huyện Hồng N, tỉnh Đồng Tháp.

12. Trần Văn H *(vắng mặt)*.

Cư trú: Đồn biên phòng cửa khẩu quốc tế Thường Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 27-10-2011, Lê Văn V đang vác đường tại kho mới Hà Bao ở xã Đa Pc, huyện An P tỉnh An Giang, bên ngoài bao đường có hình con kiến mộc đỏ tròn có chữ Công t trách nhiệm hữu hạn một thành viên Hạnh P3. Trong lúc vác đường thì ông P (Đ) hỏi V có biết lái ghe không? V trả lời là biết, nên ông P kêu V điều khiển ghe mang biển AG-180XX đến Campuchia. Khi đến Campuchia ghé vào một kho hàng. Khoảng 10 giờ cùng ngày, công đoàn chuyển đường xuống ghe AG-18003, chia thành hai nhóm, một nhóm vác đường xuống ghe, còn một nhóm thay bao, từ bao có chữ Campuchia 50 kg sang bao trắng không nhãn mác, số lượng 1.080 bao đường cát với tổng trọng lượng là 54 tấn (54.000 kg) đường. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày thì T 3(tên gọi khác H, N) kêu V, Sang E, H xuất bến. H điều khiển ghe còn Sang E, V mở dây. H điều khiển ghe đi hướng từ Campuchia về Việt Nam, qua khỏi Cửa khẩu quốc tế Thường P khoảng 200m thì bị lực lượng Đồn biên phòng Cửa khẩu Quốc tế Thường P bắt giữ.

Vật chứng thu giữ:

-1.080 bao đường cát trắng, không nhãn mác, 01 ghe gỗ, biển số kiểm soát AG-18003, 02 bình ắc quy và 01 máy ISUZU, 01 cái bao da rắn màu trắng, trên bao có in dòng chữ đường trắng Đ Đ và logo SST, in ký hiệu loại đường RA1 Sóc T3, 01 bao da rắn màu trắng, trên bao có in nhãn hiệu đường trắng Công ty mía đường Cần T.

-08 hủ nhựa màu trắng, đã được niêm phong, trong hủ chứa đường cát trắng.

-02 bọc nhựa màu trắng, đã được niêm phong.

-01 USB do Lực lượng Biên phòng cung cấp.

- 01 đĩa DVD hiệu Maxell do Đài truyền hình Đồng Tháp phỏng vấn.

Theo Biên bản định giá tài sản số: 13/BB-HĐĐGTS ngày 16 tháng 11 năm 2011 của Hội đồng định giá tài sản huyện Hồng N thì trị giá 1.080 bao đường x 50 kg x 17.000 đồng/kg = 918.000.000 đồng.

Số đường cát 1.080 bao, Cơ quan điều tra Công an huyện Hồng N, tỉnh Đồng Tháp đã bán đấu giá, trúng đấu giá là 918.000.000 đồng, trừ chi phí bán đấu giá còn lại 900.155.000 đồng.

Căn cứ vào biên bản ngày 25-5-2012 của Công ty mía đường Cần T và Sóc T4 đã xác định số đường vật chứng trong vụ án: Không phải đường của hai Công ty.

Tại Công văn số 59/PC54-Đ3 ngày 23-4-2013 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp trả lời từ chối giám định chữ ký của anh T3 và tại Kết luận giám định số: 1542/C54B ngày 08-8-2013 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Để có thể kết luận giám định, đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hồng N, tỉnh Đồng Tháp thu thêm nhiều mẫu chữ ký của

Trương Phi T trên các tài liệu có sẵn (tờ khai chứng minh nhân dân, đăng ký nhà đất, tạm trú, tạm vắng…) thời gian trước tháng 10 năm 2011. Tài liệu thu được cùng tài liệu hiện có gửi về Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh giám định.

Lời khai của V, Sang E, H1, biên bản vi phạm hành chính ngày 27-10-2011 và các tài liệu đã thu thập được trong quá trình điều tra đã xác định số đường cát bị bắt vận chuyển từ Campuchia qua biên giới về Việt Nam.

Quá trình điều tra, V khai nhận số đường cát bị bắt của bà H-Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Hạnh P, ngày 27-10-2011 kêu ông P (Đ) xuất kho 55 tấn (55.000 kg) giao ông T (Bé B) ở Hồng N, nên cùng Sang E, H điều khiển phương tiện nhưng do đi lạc đường đến Cửa khẩu Thường P thì bị bắt, chữ ký và chữ viết mang tên Lê Văn V trên biên bản vi phạm hành chính và các biên bản ghi lời khai tại Đồn biên phòng Thường P không phải do V ký, viết ra và cho rằng quá trình làm việc bị ép cung, nhục hình.

Biên bản đối chất ngày 30-10-2012 giữa V và Lực lượng Biên phòng không thể hiện V bị ép cung, nhục hình.

Tại đoạn phỏng vấn của Đài truyền hình Đồng Tháp thì V trình bày số đường cát bị bắt là vận chuyển từ Campuchia về Việt Nam.

Căn cứ Công văn số: 76/CV-HHMĐ ngày 29-8-2017 của Hiệp hội mía đường Việt Nam xác định không phải đường cát ở hai Công ty nói trên mà đường này là đường cát tinh luyện và tốt hơn nhiều so với đường cát trắng.

Tại Kết luận giám định số 594/KL-KTHS ngày 14-9-2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp kết luận chữ ký, chữ viết mang tên "Lê Văn V" trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A6 so với chữ viết, chữ ký của Lê Văn V trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M5 do cùng một người viết và ký ra.

Lời khai Sang E tại Đồn Biên phòng và tại Cơ quan điều tra thừa nhận số đường cát bị bắt là vận chuyển từ Campuchia về Việt Nam, sau đó bị cáo thay đổi nhưng thừa nhận quá trình điều tra không ai ép buộc phải thừa nhận và không có bị ép cung, nhục hình.

Lời khai của anh T là người lái phương tiện cho Lực lượng Biên phòng bắt ghe đường cát, Lực lượng Biên phòng lập biên bản ghi đang giăng câu lưới nhằm bảo vệ tính mạng, sức khỏe cho anh.

Lời khai của bà H- Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Hạnh P cho rằng số đường cát bị bắt là của bà mua ở 02 Xí nghiệp mía đường Sóc T và Cần T3 nhưng do lâu ngày bị ẩm nên sang bao trắng, xuất kho cùng hóa đơn để bán cho Bé B ở Hồng N và xin lại tài sản.

Lời khai của ông T (Bé B) có điện thoại liên hệ mua bán yêu cầu chào mẫu hàng xong sẽ tiến hành mua bán, số lượng không quá 15 tấn đến 20 tấn (từ 15.000 kg đến 20.000 kg) loại đường cát trắng, lại xuất hóa đơn 55 tấn là không đúng, cùng các chứng cứ khác thu thập có trong hồ sơ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo V không thừa nhận hành vi phạm tội "Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới", các lời khai tại Đồn biên phòng thừa nhận vận chuyển đường cát từ Campuchia về Việt Nam là do bị ép buộc.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Sang E không thừa nhận hành vi phạm tội "Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới", các lời khai tại Đồn biên phòng thừa nhận vận chuyển đường cát từ Campuchia về Việt Nam, các lời khai tại Cơ quan điều tra thừa nhận cùng với V, H vận chuyển đường cát từ Campuchia về Việt Nam, quá trình điều tra không bị ép buộc thừa nhận.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông P khai bà H là Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Hạnh P điện thoại kêu xuất 55 tấn đường cát giao cho ông T (Bé B) tại Hồng N, nên kêu V, Sang E, H điều khiển phương tiện đE giao, chỉ lấy đường tại một kho và không có lấy thêm ở kho khác, kho mà ông xuất chỉ chứa được khoảng 10.000 kg đến 15.000 kg.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2018/HS-ST ngày 09-3-2018 của Tòa án nhân dân huyện Hồng N, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 7; khoản 3 Điều 189; Điều 17 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết số 41/2017/QH ngày 20-6-2017 của Quốc Hội.

Tuyên bố các bị cáo Lê Văn V, Trần Văn Sang E phạm tội "Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới".

- Xử phạt bị cáo Lê Văn V với số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng).

- Xử phạt bị cáo Trần Văn Sang E với số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng).

- Về vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

+ Tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước số tiền 900.155.000 đồng (Chín trăm triệu một trăm năm mươi lăm nghìn đồng) hiện tạm gửi vào tài khoản 3751.0.9046316 (nay 3713.0.9046316.00000) của Công an huyện Hồng N tại Kho bạc Nhà nước huyện Hồng N.

+ Trả lại cho chị Nguyễn Thị Thu H 01 ghe gỗ, biển số kiểm soát AG-180XX, 02 bình ắc quy và 01 máy ISUZU hiện chị đang quản lý, sử dụng.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 cái bao da rắn màu trắng, trên bao có in dòng chữ đường trắng Đ Đ và logo SST, in ký hiệu loại đường RA1 Sóc T, 01 bao da rắn màu trắng, trên bao có in nhãn hiệu đường trắng RS Vị T, Công ty mía đường Cần T, 08 hủ nhựa màu trắng, đã được niêm phong, trong hủ chứa đường cát trắng, 02 bọc nhựa màu trắng, đã được niêm phong.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 23 tháng 3 năm 2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng N, tỉnh Đồng Tháp có kháng nghị đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử thay đổi hình phạt của các bị cáo Lê Văn V, Trần Văn Sang E từ hình phạt tiền sang hình phạt tù.

Ngày 26 tháng 3 năm 2018, các bị cáo Lê Văn V, Trần Văn Sang E có đơn kháng cáo kêu oan; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Kim H kháng cáo yêu cầu nhận lại số tiền đã bán hàng hóa là 900.155.000 đồng.

Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 133/2018/HS-PT ngày 15-6-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng N và kháng cáo các bị cáo Lê Văn V, Trần Văn Sang E và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Kim H. Giữ nguyên phần quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm.

Đến ngày 16 tháng 7 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp có văn bản đề nghị Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm để hủy một phần Bản án hình sự phúc thẩm số 133/2018/HS-PT ngày 15-6-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 03-6-2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định kháng nghị số 70/QĐ-VC3-V1 để kháng nghị một phần Bản án hình sự phúc thẩm số 133/2018/HS-PT ngày 15-6-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp về hình phạt đối với các bị cáo Lê Văn V, Trần Văn Sang E, đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm theo hướng hủy một phần Bản án hình sự phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định Giám đốc thẩm số 51/2019/HS-GĐT ngày 28-10-2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Căn cứ Điều 382, khoản 3 Điều 388, Điều 391 và Điều 396 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Hủy Bản án hình sự phúc thẩm số 133/2018/HS-PT ngày 15-6-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp về phần hình phạt tiền đối với Lê Văn V, Trần Văn Sang E để xét xử lại. Giao hồ sơ vụ án nêu trên cho Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp để thụ lý, xét xử lại theo thủ tục chung. Các phần quyết định khác của Bản án hình sự phúc thẩm số 133/2018/HS-PT ngày 15-6-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp không bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm tiếp tục có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Văn V không thừa nhận vận chuyển 1.080 bao đường cát với tổng trọng lượng 54 tấn (54.000kg) từ Campuchia qua biên giới về Việt Nam vào ngày 27-10-2011 mà cho rằng các bị cáo chỉ vận chuyển đường trong nội địa.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm nhận định hành vi của các bị cáo Lê Văn V, Trần Văn Sang E bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội "Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới" theo quy định tại khoản 3 Điều 189 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là

có căn cứ, đúng tội, đúng pháp luật. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương nên cần phải được xử lý nghiêm. Việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt tiền để xử phạt 1.000.000.000 đồng cho mỗi bị cáo là chưa thỏa đáng, chưa phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và không phù hợp với điều kiện kinh tế của các bị cáo. Hành vi của các bị cáo cần phải áp dụng hình phạt tù thì mới đủ sức răn đe và phòng ngừa chung. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng N, sửa Bản án sơ thẩm về phần hình phạt, thay đổi hình phạt chính từ phạt tiền sang hình phạt tù đối với các bị cáo, đề nghị xử phạt bị cáo Lê Văn V từ 05 năm tù đến 05 năm 06 tháng tù và xử phạt bị cáo Trần Văn Sang E từ 05 năm tù đến 05 năm 06 tháng tù. Đối với các kháng cáo của bị cáo Lê Văn V, Trần Văn Sang E và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Kim H đã được Bản án phúc thẩm số 133/2018/HS-PT ngày 15-6-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử, không bị kháng nghị giám đốc thẩm nên có hiệu lực pháp luật, không xE xét lại.

Trong phần tranh luận, bị cáo Lê Văn V cho rằng không phạm tội. Tại lời nói sau cùng, bị cáo Lê Văn V đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tuyên án bị cáo không phạm tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các bị cáo Lê Văn V, Trần Văn Sang E không thừa nhận hành vi phạm tội, nhưng căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định hành vi phạm tội của các bị cáo như sau: Vào khoảng 10 giờ ngày 27-10-2011, Lê Văn V điều khiển ghe mang biển số AG-180XX đến Campuchia ghé vào một kho hàng, vận chuyển số lượng 1.080 bao đường cát, trọng lượng 54 tấn, số đường này được thay đổi bao bì từ bao có chữ Campuchia 50 kg sang bao trắng không nhãn. Sau đó, H điều khiển ghe còn Sang E, V mở dây, H điều khiển ghe đi hướng từ Campuchia về Việt Nam. Khi qua khỏi Cửa khẩu Thường P khoảng 200m thì bị Lực lượng Đồn biên phòng Cửa khẩu quốc tế Thường Phước bắt giữ. Số đường cát thu giữ có trị giá là 918.000.000 đồng.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy, khi bị bắt giữ tại Đồn biên phòng Thường P thì 02 bị cáo đều khai nhận 1.080 kg đường thu giữ do các bị cáo vận chuyển từ Campuchia về Việt Nam. Ngoài ra, theo biên bản vi phạm hành chính lập ngày 27-10-2011 các bị cáo cũng thừa nhận số đường này do các bị cáo vận chuyển từ Campuchia về Việt Nam. Khi bị Lực lượng Biên phòng bắt giữ, các bị cáo cũng không cung cấp được hóa đơn, chứng từ liên quan đối với số hàng hóa này. Từ những căn cứ nêu trên xét thấy, việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội "Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới" theo khoản 3 Điều 189 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Các bị cáo có kháng cáo kêu oan, nhưng

tại Bản án hình sự phúc thẩm số 133/2018/HS-PT ngày 15-6-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và nội dung này của Bản án phúc thẩm không bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm nên đã có hiệu lực pháp luật.

[3] Xét thấy, hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh thương mại, ảnh hưởng đến việc mua bán đường cát hợp pháp trong nước, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo là chưa thỏa đáng, chưa tương xứng đối với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra và chưa căn cứ vào tình hình tài sản, khả năng thi hành án của người phạm tội. Căn cứ vào kết quả xác minh tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An P và huyện Phú T, tỉnh An Giang xác định: Lê Văn V và Trần Văn Sang E chưa có điều kiện thi hành khoản tiền 1.000.000.000 đồng/mỗi bị cáo do không có tài sản gì có giá trị; nghề nghiệp làm thuê; gia đình có hoàn cảnh khó khăn, dẫn đến các bị cáo không có khả năng thi hành án, mục đích của hình phạt không đạt được. Trường hợp này cần xử phạt các bị cáo bằng hình phạt khác theo quy định của pháp luật. Do đó, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng N, tỉnh Đồng Tháp, sửa quyết định của Bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo, thay hình phạt chính là phạt tiền bằng hình phạt tù.

[4] Đối với kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Kim H đã được xét xử phúc thẩm và không bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm nên đã có hiệu lực pháp luật theo Bản án hình sự phúc thẩm số 133/2018/HS-PT ngày 15-6-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, nay không xE xét lại.

[5] Xét thấy phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[6] Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2018/HS-ST ngày 09-3-2018 của Tòa án nhân dân huyện Hồng N, tỉnh Đồng Tháp không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị và các phần quyết định khác của Bản án hình sự phúc thẩm số 133/2018/HS-PT ngày 15-6-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp không bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm tiếp tục có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 290; Điều 351; điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng N, tỉnh Đồng Tháp.

1. Căn cứ khoản 3 Điều 7; khoản 3 Điều 189; Điều 17 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội.

Tuyên bố các bị cáo Lê Văn V, Trần Văn Sang E phạm tội "*Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới*".

Xử phạt bị cáo Lê Văn V 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 10- 4- 2012 đến ngày 20- 02- 2013 và từ ngày 21- 02- 2013 đến ngày 16- 8- 2013.

Xử phạt bị cáo Trần Văn Sang E 05 (năm) năm tù. Thời hạn từ tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 03-8-2017 đến ngày 27- 9- 2017.

2. Các bị cáo Lê Văn V, Trần Văn Sang E không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2018/HS-ST ngày 09-3-2018 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị và các phần quyết định khác của Bản án hình sự phúc thẩm số 133/2018/HS-PT ngày 15-6-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp không bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm tiếp tục có hiệu lực pháp luật.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTC (Vụ GĐKT1-Vụ 1)
- Ban Nội chính Tỉnh ủy:
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- Cơ quan THAHS Công an Tỉnh;
- Trại tạm giam Công an Tỉnh;
- TA-VKS-THADS H. Hồng N;
- CQCSĐT Công an H. Hồng N;
- Các bị cáo;
- NLQ;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA.TA Tỉnh;
- Lưu: VT, HSVA (Loan).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tuấn Anh